

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Yên Khánh
Tỉnh Ninh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-04-2020.

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thu

2. Bà Hoàng Thị Kim Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 2000; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 10, xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phương B, sinh năm 1989; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 10, xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18-12-2019, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Nguyễn Phương B sau khoảng 5 tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 24-06-2017. Nhưng thời điểm đó chị chưa đủ tuổi kết hôn nên đến ngày 02-03-2018

chị và anh B mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Chị và anh B chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do chị không đi làm nên vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế và anh B nghi ngờ về mặt tình cảm. Anh B đi làm xa nghe theo lời gia đình, mỗi lần chị đến chơi nhà ngoại về không hiểu lý do gì anh B lại đánh chị. Lần đầu chị bỏ về nhà ngoại do anh B đánh và đuổi chị, còn lần cuối cùng vào tháng 07-2019 do chị không chịu đựng được việc bố mẹ anh B lôi ra tiếng vào vấn đề tình cảm nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Anh B không tìm chị về và vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh B không còn, anh chị không về đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Phương B.

Về con chung (riêng): Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 14-02-2018, hiện cháu ở với anh B. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị có đến trường thăm con, chị không được đón con chứ không phải chị bỏ con. Chị và anh B đều có điều kiện nuôi con nhưng do cháu L là con gái và còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Do đó chị đề nghị được nuôi cháu L và không yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu L. Hiện nay chị làm công nhân có thu nhập ổn định 8.000.000 đồng đủ để nuôi bản thân và cháu nên chị không yêu cầu cấp dưỡng đối với con. Chị và anh B không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị và anh B không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời ngày 09/01/2020, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Phương B trình bày: Về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn như trình bày của chị N là hoàn toàn đúng. Thực tế sau khi cưới được khoảng 20 tháng thì vợ chồng anh đã phát sinh mâu thuẫn là do chị N có biểu hiện của quan hệ nam nữ bất chính. Anh đã xem điện thoại của chị N thì có các tin nhắn hẹn hò nên chị N luôn bỏ đi đến khuya mới về. Khi biết việc anh và gia đình đã khuyên giải chị N nhưng chị N không nghe mà còn bỏ con nhỏ đi qua đêm. Anh và gia đình phải đi tìm chị N về từ đó vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Đến tháng 07- 2019 chị N tự bỏ về nhà bố mẹ chị N để ở từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị N không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được nên anh nhất trí ly hôn với chị Phạm Thị Hồng N.

Về con chung (riêng): Anh nhất trí như ý kiến của chị Phạm Thị Hồng N trình bày về việc anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 14 - 02 - 2018, hiện nay cháu L đang do anh trực tiếp nuôi. Anh có nghe cô giáo nói việc chị N đến trường thăm con. Anh không đồng ý việc chị L đón con ở trường vì làm

ảnh hưởng đến con. Anh và chị L đều có đủ điều kiện nuôi con nhưng anh không nhất trí giao con cho chị L vì sợ cháu đi theo con đường hư hỏng của chị L. Anh có chỗ ở ổn định, có thu nhập 15.000.000đồng/ tháng nên anh yêu cầu Tòa án tiếp tục giao cháu L cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu L. Anh và chị N không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh và chị N không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Phương B được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 14-02-2018 cho chị Phạm Thị Hồng N được chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phương B không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Hồng N có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Phương B có nơi cư trú tại xóm 10, xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Phương B là hợp pháp. Sau gần 2 năm chung sống hạnh phúc thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 07-2019 cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N và anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không về đoàn tụ được. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung(riêng): Chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Phương B có 1 con chung là cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 14-02-2018. Chị N và anh B đều có nguyện vọng nuôi con tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con.

Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “...Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con...”. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh B là người trực tiếp nuôi con từ tháng 07-2019. Trong thời gian này chị L có đến trường thăm con và có nguyện vọng đón con. Xét về điều kiện nuôi con thì chị N và anh B đều có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên cháu L là con gái, dưới 36 tháng tuổi nên giao cháu L cho chị N nuôi sẽ đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất về sức khỏe, tâm sinh lý của cháu. Việc anh B không nhất trí giao con cho chị L nuôi là sợ con đi theo con đường hư hỏng của chị L là không có căn cứ. Tại biên bản làm việc ngày 04-03-2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, đại diện UBND xã Khánh Công có ý kiến: *“Hiện cháu L còn nhỏ khi vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu L cho người có điều kiện nuôi dưỡng và căn cứ theo pháp luật. ...”*.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu L, theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án thấy cần phải giao cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 14-02-2018 cho chị Phạm Thị Hồng N nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét thấy việc chị N không yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là tự nguyện và chị N có đủ khả năng, điều kiện nuôi con nên không buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L. Anh B có quyền đi lại thăm con theo quy định tại khoản 3 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị N và anh B không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Phương B không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Phương B được ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Phương B chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Hồng N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 14-02-2018. Anh Nguyễn Phương B không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

3/ Về án phí : Chị Phạm Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002132 ngày 25-12-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28-04-2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh .
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Khánh.
- UBND xã C, huyện Y.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Phương